



Công ty TNHH Kiểm toán An Phú

Tầng 12, Tòa nhà 167, Phố Bùi Thị Xuân

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: +84 (4) 62 782 904

Fax: +84 (4) 62 782 905

www.anphugroup.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN THẠCH CAO XI MĂNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Kiểm toán. Tài chính. Tư vấn.

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN THẠCH CAO XI MĂNG
Số 24, đường Hà Nội, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2010 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Bích Thủy	Chủ tịch, bổ nhiệm từ ngày 27/4/2010
Ông Tạ Quang Bửu	Chủ tịch, miễn nhiệm từ ngày 27/4/2010
Ông Hoàng Việt	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Doan	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Lương	Ủy viên
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Việt	Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Doan	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Lương	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Ban hành và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Hoàng Việt
Giám đốc

Huế, ngày 05 tháng 03 năm 2011



Công ty TNHH Kiểm toán An Phú

Tầng 12, Tòa nhà 167, Phố Bùi Thị Xuân
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: +84 (4) 62 782 904
Fax: +84 (4) 62 782 905
www.anphugroup.com.vn

Số: 09 /2011/AP-KT

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: Hội đồng quản trị
Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010 cùng với các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng (gọi tắt là "Công ty"). Báo cáo tài chính được lập ngày 05/03/2011 và được trình bày từ trang số 04 đến trang số 23 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc đồng thời cũng chịu trách nhiệm ban hành và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu.

Cơ sở của ý kiến

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được thực hiện dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, trên cơ sở đánh giá rủi ro liên quan đến các sai sót trọng yếu phản ánh trên báo cáo tài chính, do các gian lận hoặc sai sót. Trong quá trình đánh giá rủi ro, kiểm toán viên cũng xem xét các thủ tục kiểm soát do Ban Giám đốc thực hiện nhằm lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý để thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp trong từng trường hợp mà không nhằm đưa ra ý kiến nhận xét về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Không phù nhận ý kiến nêu trên chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính vấn đề sau:

Tại ngày 31/12/2010, số dư các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản lưu động với số tiền khoảng 38 tỷ đồng, trong đó số dư tài sản lưu động tại ngày 31/12/2010 khoảng 84 tỷ đồng, nợ ngắn hạn khoảng 122 tỷ đồng. Các khoản nợ phải thanh toán chủ yếu bao gồm nợ đến hạn trả Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam - VICEM (là cổ đông chính của Công ty) cho khoản vay đầu tư xây dựng Trạm nghiền Xi măng Quảng Trị với số tiền 70 tỷ đồng (Khoản vay này bao gồm số tiền 20 tỷ đồng đã quá hạn thanh toán và 50 tỷ đồng sẽ đến hạn thanh toán vào ngày 12/04/2011). Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính kèm theo, VICEM đã không chấp thuận đề nghị gia hạn khoản vay 20 tỷ đồng đã quá hạn thanh toán của Công ty. Do đó, khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trả của Công ty phụ thuộc vào nguồn thu từ hoạt động kinh doanh và các khoản hỗ trợ tài chính khác (nếu có) trong năm 2011. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết tiếp tục tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn nhằm duy trì hoạt động liên tục của Công ty.



Vũ Bình Minh
Giám đốc
Chứng chỉ KTV số Đ 0034/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2011

Nguyễn Thương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 0308/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)			84.025.282.394	94.388.884.583
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.990.592.340	37.673.566.271
1. Tiền	111		3.990.592.340	10.152.258.052
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	27.521.308.219
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.343.185.148	38.016.115.212
1. Phải thu của khách hàng	131		47.861.101.942	30.065.793.454
2. Trả trước cho người bán	132		4.977.014.433	7.383.788.683
5. Các khoản phải thu khác	135		8.576.494.354	637.958.656
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(71.425.581)	(71.425.581)
IV. Hàng tồn kho	140	5	10.322.034.929	15.334.128.681
1. Hàng tồn kho	141		10.322.034.929	15.334.128.681
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.369.469.977	3.365.074.419
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		36.640.400	127.235.061
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.513.849.314	1.939.088.434
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		1.467.811	1.467.811
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.817.512.452	1.297.283.113
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		168.278.436.303	154.582.154.624
II. Tài sản cố định	220		168.278.436.303	154.582.154.624
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	3.292.148.367	4.035.996.274
- Nguyên giá	222		35.613.991.857	35.498.385.966
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.321.843.490)	(31.462.389.692)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		177.000.000	177.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(177.000.000)	(177.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	164.986.287.936	150.546.158.350
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)			252.303.718.697	248.971.039.207

Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010		01/01/2010	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)			151.701.983.011		151.457.946.644	
I. Nợ ngắn hạn	310		122.243.286.782		101.692.318.170	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	8	74.500.000.000		61.091.124.500	
2. Phải trả người bán	312		28.849.012.066		33.131.522.759	
3. Người mua trả tiền trước	313		79.674.069		357.769.496	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	1.406.570.247		346.602.931	
5. Phải trả người lao động	315		2.636.389.006		1.696.423.846	
6. Chi phí phải trả	316	10	4.765.105.431		3.508.194.562	
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	11	9.955.476.118		1.074.315.981	
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		51.059.845		486.364.095	
II. Nợ dài hạn	330		29.458.696.229		49.765.628.474	
4. Vay và nợ dài hạn	334	12	29.458.696.229		49.765.628.474	
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		100.601.735.686		97.513.092.563	
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	100.488.142.269		97.359.217.078	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70.000.000.000		70.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18.200.000.000		18.200.000.000	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		33.529.682		(287.978.280)	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.451.141.709		7.451.141.709	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.315.303.645		1.315.303.645	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		680.750.004		680.750.004	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.807.417.229		-	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		113.593.417		153.875.485	
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		113.593.417		153.875.485	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)			252.303.718.697		248.971.039.207	

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Thuyết minh	31/12/2010		01/01/2010	
5. Ngoại tệ các loại (USD)		272,34		-



Hoàng Việt
Giám đốc
Huế, ngày 05 tháng 03 năm 2011

Hồ Thị Hà
Kế toán trưởng

Ngô Thị Diệu Trang
Người lập

Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Thuyết minh	
			Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	353.060.175.678	291.362.951.328
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		477.211.663	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	352.582.964.015	291.362.951.328
4. Giá vốn hàng bán	11	18	313.406.343.413	262.333.922.085
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		39.176.620.602	29.029.029.243
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.858.055.554	3.577.784.274
7. Chi phí tài chính	22	20	3.241.435.124	3.831.360.912
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	29.734.702
8. Chi phí bán hàng	24	21	32.397.771.656	21.103.381.863
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	10.982.293.980	11.737.433.722
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(5.586.824.604)	(4.065.362.980)
11. Thu nhập khác	31	23	8.795.802.486	4.065.362.980
12. Chi phí khác	32		501.048	-
13. Lợi nhuận khác	40		8.795.301.438	4.065.362.980
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.208.476.834	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		401.059.605	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế	60	24	2.807.417.229	-
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	15	401	-



Hoàng Việt
Giám đốc

Hồ Thị Hà
Kế toán trưởng

Ngô Thị Diệu Trang
Người lập

Huế, ngày 05 tháng 03 năm 2011

Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.208.476.834	-
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	819.171.730	1.095.032.731
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	112.085.879	3.632.964.335
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.855.530.430)	(3.582.173.187)
- Chi phí lãi vay	06	-	29.734.702
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.284.204.013	1.175.558.581
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(21.879.319.905)	(15.384.197.718)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	5.012.093.752	1.405.392.310
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	9.789.351.377	12.168.682.746
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	90.594.661	495.658.932
- Tiền lãi vay đã trả	13	(9.487.554.708)	(8.438.129.876)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(201.781.645)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.558.582.488	826.312.859
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(10.517.135.498)	(1.256.084.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>(21.350.965.465)</i>	<i>(9.006.806.666)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(7.289.017.462)	(12.183.702.145)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	4.590.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(450.000.000)	(400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	450.000.000	400.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.855.530.430	3.559.900.213
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(5.433.487.032)</i>	<i>(8.619.211.023)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	61.981.096.255	22.112.205.239
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(68.879.153.000)	(7.444.711.237)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(310.000)	(4.333.004.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(6.898.366.745)</i>	<i>10.334.490.002</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	<i>(33.682.819.242)</i>	<i>(7.291.527.687)</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	37.673.566.271	44.965.093.958
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(154.689)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	3.990.592.340	37.673.566.271



Hoàng Việt
Giám đốc

Hồ Thị Hà
Kế toán trưởng

Ngô Thị Diệu Trang
Người lập

Huế, ngày 05 tháng 03 năm 2011

Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Kinh doanh thạch cao xi măng thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo Quyết định số 459/QĐ-BXD ngày 16/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3103000176 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 17/04/2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300101300 thay đổi lần 4 ngày 07/07/2009.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 70.000.000.000 đồng tương ứng với 7.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, trong đó:

- Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam nắm giữ 3.584.525 cổ phiếu tương ứng với 35.845.250.000 đồng, chiếm 51,21 % vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 nắm giữ 700.000 cổ phiếu tương ứng với 7.000.000.000 đồng, chiếm 10 % vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 2.715.475 cổ phiếu tương ứng với 27.154.750.000 đồng, chiếm 38,79% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 24 đường Hà Nội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Các đơn vị trực thuộc Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2010 bao gồm:

- Xí nghiệp Xi măng Quảng Bình;
- Ban quản lý Dự án Trạm nghiền Xi măng Quảng Trị;
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng tại nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng tại Hải Phòng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng tại Bim Sơn;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng tại Quảng Trị;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng tại Đà Nẵng.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2010 là 292 người (Tại 31/12/2009 là 311 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ; Khai thác lâm sản khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng khác; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ và lâm sản khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao, nghiền xi măng; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao; kinh doanh xi măng, nhập khẩu và kinh doanh thạch cao các loại;
- Bán buôn tổng hợp; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá; Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ;
- Khách sạn; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn, bổ sung hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở cộng các số liệu trên Báo cáo tài chính của Xí nghiệp Xi măng Quảng Bình, Ban Quản lý Dự án Trạm nghiền Xi măng Quảng Trị và Văn phòng Công ty sau khi đã loại trừ các khoản phải thu, phải trả và các khoản điều chuyển nội bộ.

Hình thức ghi sổ kế toán: Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành và theo các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Thông tư 203/2009/TT-BTC của Bộ Tài Chính hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí liên quan tới đầu tư xây dựng và chi phí lãi vay có liên quan trong thời kỳ đầu tư xây dựng cơ bản phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Việc tính khấu hao của các tài sản được hình thành từ đầu tư xây dựng này được áp dụng giống như các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái bắt đầu sử dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Handwritten signature

CỔ HIỆP A

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và doanh nghiệp có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi ra VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền, công nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư các tài khoản này được phản ánh vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá" trên Bảng cân đối kế toán. Số dư công nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào kết quả kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Hiện tại, Công ty đang được hưởng ưu đãi cho doanh nghiệp cổ phần mới thành lập và doanh nghiệp thực hiện niêm yết trên thị trường chứng khoán bao gồm việc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% số thuế phải nộp trong một (1) năm tiếp theo. Số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm được bổ sung tăng Quỹ đầu tư phát triển sau khi được đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Năm 2010, công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 31/12/2010 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẠCH CAO XI MĂNG
Số 24, đường Hà Nội, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	97.455.190	254.592.233
Tiền gửi ngân hàng	3.893.137.150	9.897.665.819
Các khoản tương đương tiền	-	27.521.308.219
Cộng	<u>3.990.592.340</u>	<u>37.673.566.271</u>

5. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	62.057.115	1.666.783.933
Nguyên liệu, vật liệu	1.154.569.041	929.033.291
Công cụ, dụng cụ	1.923.800	237.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	78.721.978	12.421.011
Hàng hoá	5.733.491.865	11.238.977.158
Hàng gửi đi bán	3.291.271.130	1.486.676.288
Cộng	<u>10.322.034.929</u>	<u>15.334.128.681</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	<u>10.322.034.929</u>	<u>15.334.128.681</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THẠCH CAO XI MĂNG
Số 24, đường Hà Nội, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	19.807.146.794	10.644.000.736	3.850.780.950	1.196.457.486	35.498.385.966
Mua sắm	-	-	-	19.709.091	19.709.091
XDCB hoàn thành	-	95.896.800	-	-	95.896.800
Thanh lý	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2010	19.807.146.794	10.739.897.536	3.850.780.950	1.216.166.577	35.613.991.857
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	16.718.569.938	10.372.929.791	3.278.147.960	1.092.742.003	31.462.389.692
Khấu hao trong kỳ	505.471.367	138.915.616	145.630.376	69.436.439	859.453.798
Thanh lý	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2010	17.224.041.305	10.511.845.407	3.423.778.336	1.162.178.442	32.321.843.490
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2010	3.088.576.856	271.070.945	572.632.990	103.715.483	4.035.996.274
Tại ngày 31/12/2010	2.583.105.489	228.052.129	427.002.614	53.988.135	3.292.148.367
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn sử dụng	13.890.883.270	8.973.474.888	2.542.784.979	1.011.511.775	26.418.654.912
Nguyên giá TSCĐ chờ thanh lý	32.400.000	-	231.257.600	231.261.272	494.918.872

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Dự án trạm nghiền Quảng Trị	164.887.137.848	150.447.008.262
Dự án khác	99.150.088	99.150.088
Cộng	<u>164.986.287.936</u>	<u>150.546.158.350</u>

Dự án trạm nghiền xi măng Quảng Trị có công suất 250.000 tấn/năm được xây dựng theo Quyết định đầu tư số 1867/XMVN- HĐQT ngày 12/09/2003 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xi măng Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam - VICEM), trong đó chủ đầu tư là Công ty Kinh doanh Thạch cao xi măng (nay là Công ty Cổ phần Thạch cao xi măng). Dự án được quản lý theo hình thức chủ đầu tư trực tiếp quản lý, thành lập Ban quản lý dự án thuộc chủ đầu tư để tổ chức thực hiện. Dự án đang trong giai đoạn thực hiện sản xuất thử chuẩn bị nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Theo Quyết định này, tổng mức đầu tư của Dự án là 151.982 triệu đồng, vốn vay là 122.570 triệu đồng. Toàn bộ giá trị công trình được dùng để thế chấp cho khoản vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/2004/HĐ đã ký ngày 29/10/2004 với Ngân hàng Đầu và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị.

Ngày 22/12/2010, Công ty đã có Công văn số 2545/TXM-KHTH đề nghị VICEM điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án là 200.178 triệu đồng. Đến thời điểm lập báo cáo này chưa có quyết định phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án của VICEM.

8. VAY NGẮN HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn (1)	50.000.000.000	1.256.084.500
Vay dài hạn đến hạn trả:	24.500.000.000	59.835.040.000
<i>Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (2)</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>20.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quảng Trị</i>	<i>4.500.000.000</i>	<i>39.835.040.000</i>
Cộng	<u>74.500.000.000</u>	<u>61.091.124.500</u>

(1) Vay ngắn hạn là khoản vay Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM) theo Hợp đồng vay vốn số 452/XMVN-KTTKTC ngày 12/04/2010. Tổng số tiền vay là 50 tỷ đồng, mục đích vay để trả khoản vay đến hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quảng Trị. Lãi suất cho vay là 8%/năm. Thời hạn cho vay là 01 năm thời hạn. Thời gian trả nợ gốc không quá 12/04/2011.

(2) Khoản vay Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM) theo Hợp đồng vay vốn số 1870/XMVN-KTTC ngày 31/12/2006. Tổng số tiền vay là 20 tỷ đồng, mục đích vay để đầu tư Dự án Trạm nghiền Xi măng Quảng Trị. Lãi suất cho vay là 8,4%/năm. Thời hạn cho vay là 3 năm. Theo quy định của hợp đồng vay, thời hạn trả nợ cuối cùng là 31/12/2009. Theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 453/XMVN-KTTKTC ngày 12/04/2010 thời hạn cho vay của khoản vay này được gia hạn 1 năm đến hết ngày 31/12/2010 với lãi suất áp dụng là 8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Ngày 13/12/2010, Công ty đã có Công văn số 2453/TXM-KTTKTC đề nghị VICEM gia hạn trả nợ khoản vay đến 31/12/2011. Tuy nhiên ngày 04/01/2011, VICEM đã có công văn số 00006/XMVN-KTTC về việc không đồng ý gia hạn khoản vay trên.

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.196.057.002	297.594.351
Thuế thu nhập cá nhân	10.989.808	4.430.905
Thuế thu nhập doanh nghiệp	199.277.960	-
Các khoản thuế khác	245.477	44.577.675
Cộng	<u>1.406.570.247</u>	<u>346.602.931</u>

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	4.050.998.878	3.197.523.197
Chi phí phải trả khác	714.106.553	310.671.365
Cộng	<u>4.765.105.431</u>	<u>3.508.194.562</u>

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỢ KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	87.603.675	46.090.238
Các khoản phải trả phải nộp khác	9.867.872.443	1.028.225.743
Cộng	<u>9.955.476.118</u>	<u>1.074.315.981</u>

Số dư các khoản phải trả phải nộp khác bao gồm số tiền 9.116.654.163 đồng là doanh thu gia công sản phẩm sản xuất thử của Trạm nghiên cứu Xi măng Quảng Trị. Số tiền này sẽ được bù trừ với chi phí phát sinh trong giai đoạn chạy thử (được theo dõi trên số dư khoản phải thu khác với số tiền là 6.616.262.010 đồng), số chênh lệch sẽ được điều chỉnh giá trị quyết toán công trình xây dựng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng (1)	4.977.371.864	4.572.929.050
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quảng Trị (2)	28.981.324.365	85.027.739.424
Vay bằng VND	28.981.324.365	46.110.427.221
Vay bằng USD	-	38.917.312.203
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	53.958.696.229	109.600.668.474
<i>Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số 8)</i>	<i>(24.500.000.000)</i>	<i>(59.835.040.000)</i>
Cộng vay dài hạn	29.458.696.229	49.765.628.474

- (1) Khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng (CFC) theo Hợp đồng số 01/2009/TDH ngày 22/02/2009 với tổng số tiền vay là 20 tỷ đồng nhằm mục đích đầu tư Dự án Trạm nghiền xi măng tại Quảng Trị. Thời hạn vay là 9 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Đến thời điểm lập báo cáo này, chưa có bất kỳ khoản nợ gốc được thanh toán. Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng và CFC chưa có thỏa thuận cụ thể về thời hạn thanh toán các khoản vay.
- (2) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị theo Hợp đồng tín dụng ngày 29/10/2004 được bàn giao từ Công ty Kinh doanh Thạch Cao Xi Măng, là đơn vị tiền thân của Công ty trước khi cổ phần hóa. Tổng số tiền vay trong hợp đồng là 38.956.000.000 đồng và 3.895.000 USD. Tại biên bản bổ sung Hợp đồng tín dụng số 05/2008/BSHD ngày 11/09/2008 Công ty và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị đã thống nhất sửa đổi số tiền cho vay là: 56,73 tỷ đồng và 2.419.183 USD. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư cho Dự án Trạm nghiền xi măng tại Quảng Trị. Thời hạn vay là 108 tháng kể từ ngày nhận món nợ vay đầu tiên. Thời gian ân hạn gốc là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian trả nợ gốc là 84 tháng. Tài sản đảm bảo khoản vay là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2010 đối với khoản vay bằng VND là 17,5%/năm.

Theo biên bản bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2009/BSHD ngày 26/03/2009 giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị và Công ty CP Thạch cao Xi măng, theo đó Công ty CP Thạch cao Xi măng cam kết trả nợ gốc 6 tháng/lần, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 27/09/2009 cho khoản vay bằng VND và USD. Trong đó, thời gian trả nợ của khoản vay bằng VND từ 27/09/2009 đến 27/09/2014 và khoản vay bằng USD từ 27/09/2009 đến 27/09/2012. Đến ngày 08/09/2010, Công ty đã thanh toán hết khoản nợ vay bằng USD tại BIDV - CN Quảng Trị. Thời hạn trả nợ vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị như sau:

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.500.000.000	39.835.040.000
Trong năm thứ hai	10.000.000.000	18.970.500.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	14.481.324.365	26.222.199.424
Cộng	28.981.324.365	85.027.739.424

bae

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối
	VND			VND		VND	VND
Tại 01/01/2009	70.000.000.000	18.200.000.000	(1.756.202.954)	5.657.394.891	1.269.107.283	634.553.642	6.413.382.990
Tăng trong năm	-	-	3.627.296.402	1.793.746.818	46.196.362	46.196.362	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	1.920.046.097
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	4.340.000.000
Giảm trong năm	-	-	2.159.071.728	-	-	-	153.336.893
Tại 31/12/2009	70.000.000.000	18.200.000.000	(287.978.280)	7.451.141.709	1.315.303.645	680.750.004	-
Tại 01/01/2010	70.000.000.000	18.200.000.000	(287.978.280)	7.451.141.709	1.315.303.645	680.750.004	-
Tăng trong năm	-	-	3.181.108.811	-	-	-	2.807.417.229
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	2.859.600.849	-	-	-	-
Tại 31/12/2010	70.000.000.000	18.200.000.000	33.529.682	7.451.141.709	1.315.303.645	680.750.004	2.807.417.229

Trac

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. CỔ PHIẾU

		<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	cổ phiếu	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	cổ phiếu	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	cổ phiếu	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	cổ phiếu	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	cổ phiếu	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	cổ phiếu	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	cổ phiếu	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	đồng/cổ phiếu	10.000	10.000

15. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	7.000.000	7.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	2.807.417.229	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	401	-

16. CỔ TỨC

Theo Nghị quyết số 82/NQ-HĐQT ngày 14/01/2011, Hội đồng quản trị thống nhất chủ trương trình Đại hội đồng cổ đông về việc chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 3% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2010.

17. DOANH THU

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	343.592.071.590	271.765.263.668
Doanh thu bán thành phẩm	-	13.053.041.359
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.468.104.088	6.544.646.301
Cộng	<u>353.060.175.678</u>	<u>291.362.951.328</u>
Các khoản giảm trừ	(477.211.663)	-
Doanh thu thuần	<u>352.582.964.015</u>	<u>291.362.951.328</u>

Handwritten signature

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	304.824.806.196	245.350.742.613
Giá vốn bán thành phẩm	-	11.757.807.186
Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.581.537.217	5.225.372.286
Cộng	313.406.343.413	262.333.922.085

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.855.530.430	3.577.582.278
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.525.124	201.996
Cộng	1.858.055.554	3.577.784.274

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	29.734.702
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	68.009.746	168.661.875
Chênh lệch tỷ giá giai đoạn đầu tư phân bổ	3.173.425.378	3.632.964.335
Cộng	3.241.435.124	3.831.360.912

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.733.503.713	1.876.009.903
Chi phí vật liệu, bao bì	14.539.654	6.651.970
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	15.732.500	20.663.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	15.704.565	481.350.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.509.475.882	17.591.483.105
Chi phí bằng tiền khác	4.108.815.342	1.127.223.285
Cộng	32.397.771.656	21.103.381.863

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	6.412.855.339	5.679.664.153
Chi phí vật liệu bao bì	366.663.509	489.790.951
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	45.264.216	165.290.424
Chi phí khấu hao tài sản cố định	535.543.626	831.390.923
Thuế, phí lệ phí	445.641.255	566.092.321
Chi phí dịch vụ mua ngoài	793.142.830	861.957.356
Chi phí bằng tiền khác	2.383.183.205	3.143.247.594
Cộng	<u>10.982.293.980</u>	<u>11.737.433.722</u>

23. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
	VND	VND
Thu nhập khác từ kinh doanh xi măng	6.736.472.320	3.545.781.104
Thu nhập khác từ kinh doanh thạch cao	1.472.716.741	348.996.923
Thu nhập từ thanh lý tài sản	32.674.401	4.590.909
Các khoản thu khác	553.939.024	165.994.044
Cộng	<u>8.795.802.486</u>	<u>4.065.362.980</u>

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
	VND	VND
Lỗ tính thuế năm trước mang sang	-	-
Lợi nhuận trước thuế	3.208.476.834	-
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	3.208.476.834	-
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Thuế TNDN phải nộp	802.119.209	-
Thuế TNDN được miễn giảm	401.059.604	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>401.059.605</u>	<u>-</u>

bae

25. THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Ngày 27/04/2010, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã họp và thông qua Nghị quyết số 786/NQ-ĐHĐCD, trong đó chấp thuận xin từ nhiệm của ông Tạ Quang Bửu, Chủ tịch Hội đồng quản trị và bổ nhiệm bà Nguyễn Bích Thủy làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty; chấp thuận ông Huỳnh Trung Hiếu từ chức Trưởng ban kiểm soát, đồng thời bổ nhiệm ông Đặng Minh Hoàng - Ủy viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam giữ chức Trưởng ban kiểm soát Công ty.

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Đến thời điểm hiện lập Báo cáo tài chính này, Dự án Trạm nghiên xi măng Quảng Trị vẫn đang trong giai đoạn sản xuất thử. Theo phân tích của Công ty, để khai thác Dự án có hiệu quả, Trạm nghiên Xi măng Quảng Trị cần phải gắn với một thương hiệu mạnh của VICEM tại khu vực. Công ty đã có Công văn số 2449/TXM-GĐ ngày 13/12/2010 gửi VICEM về xin ý kiến chỉ đạo chuyển giao Trạm nghiên Xi măng Quảng Trị.

Ngày 04/01/2011, VICEM đã có công văn số 00006/XMVN-KTTC, trong đó đề nghị Công ty và Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn xây dựng phương án trình Đại hội cổ đông các bên về chủ trương bàn giao Trạm nghiên Xi măng Quảng Trị cho Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn.

Theo Nghị quyết số 82/NQ-HĐQT ngày 14/01/2011, Hội đồng quản trị thống nhất chủ trương chuyển nhượng Trạm nghiên xi măng Quảng Trị cho Công ty Cổ phần Vicem Bim Sơn. Hội đồng quản trị giao cho Giám đốc điều hành triển khai, chỉ đạo thực hiện việc xây dựng phương án và chuẩn bị đầy đủ các điều kiện pháp lý cần thiết cho việc chuyển nhượng Trạm nghiên Xi măng Quảng Trị (có thể thuê tư vấn để thực hiện) và báo cáo Hội đồng quản trị xem xét, trình Đại hội đồng cổ đông năm 2011 của Công ty quyết định.

27. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết số 786/NQ - ĐHĐCD ngày 27/4/2010 của Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua một số nội dung sau:

- Dự án thành lập Công ty liên doanh với Công ty SATY PHAPB SANGKASY Lào nhằm khai thác và chế biến thạch cao tại mỏ Champhone, Tỉnh Savanakhet (Lào) không hiệu quả, Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn đề nghị của Hội đồng quản trị về việc chấm dứt việc liên doanh với Công ty Satyphapbsangkasy và ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục chấm dứt liên doanh theo quy định. Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa hoàn thiện các thủ tục chấm dứt liên doanh.
- Dự án thành lập Công ty liên doanh khai thác và chế biến thạch cao tại Lào với Quốc doanh khai thác thạch cao Lào, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục triển khai các bước tiếp theo, quyết định về quy mô, thời điểm và các nội dung liên quan đến Dự án nhằm đảm bảo nguồn thạch cao cung cấp cho sản xuất xi măng trong chiến lược dài hạn.
- Dự án xây dựng Khách sạn tại khu đất 24 đường Hà Nội - thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế hiện nay đã được cấp chứng chỉ quy hoạch, đã hoàn thành việc thuê đất dài hạn. Tuy nhiên do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, đang tạm đình hoãn. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục nghiên cứu, phân tích hiệu quả để khởi động lại Dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
	VND	VND
Doanh thu		
Công ty Cổ phần Xi măng Bút Sơn	54.312.827.272	34.724.870.145
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	41.746.704.244	34.175.999.150
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai	8.879.738.645	8.623.959.544
Công ty Xi măng Tam Điệp	9.229.034.522	9.320.793.420
Công ty Cổ phần Xi măng Hải Vân	12.637.009.529	19.723.816.845
Công ty Xi măng Hải Phòng	19.277.424.618	3.858.694.938
Công ty Xi măng Hoàng Thạch	27.085.262.335	10.906.496.964
Công ty Xi măng Hà Tiên 2	25.667.697.708	31.465.490.908
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	123.448.525.938	100.863.940.790
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai	1.551.962.503	920.042.699
Công ty Xi măng Hoàng Thạch	10.739.668.569	29.422.393.989
Công ty Xuất nhập khẩu xi măng	16.379.428.672	24.640.007.864
Công ty Cổ phần Xi măng Hải Vân	-	369.470.967

Đến thời điểm này, Công ty Xuất nhập khẩu Xi măng đã được sáp nhập trở thành phòng ban của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

Số dư với các bên liên quan

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Xi măng Hải Vân	3.083.116.920	1.992.506.190
Công ty Cổ phần Xi măng Bút Sơn	16.178.116.600	5.464.773.600
Công ty Xi măng Hoàng Thạch	2.787.653.711	5.198.555.451
Công ty Xi măng Hà Tiên 2	6.197.611.200	4.255.020.000
Công ty Xi măng Hải Phòng	8.574.733.300	4.244.562.000
Công ty Xi măng Tam Điệp	4.542.029.118	6.001.736.664
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai	4.818.320.967	2.728.227.750
Trả trước cho người bán		
Công ty Xuất nhập khẩu xi măng	-	2.427.164.270
Công ty Đầu tư phát triển Xi măng	10.869.000	10.869.000
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	6.446.423.025	6.763.443.933
Công ty Xi măng Hoàng Thạch	822.046.082	662.913.500
Phải trả VICEM phí tư vấn	246.621.112	-
Phải trả VICEM lãi vay	1.692.700.464	1.260.000.000
Phải trả khác VICEM	79.781.088	201.279.284
Phải trả lãi vay Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng Việt Nam	-	64.509.161
Vay dài hạn		
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng Việt Nam	4.977.371.864	4.572.929.050
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	70.000.000.000	20.000.000.000

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Phú.